

Chủ biên

PGS. TS. TRẦN HOÀNG NGÂN

PGS. TS. NGUYỄN MINH KIỀU

THANH TOÁN QUỐC TẾ

- **LÝ THUYẾT**
- **BÀI TẬP & BÀI GIẢI THỰC HÀNH**
- **BÀI TẬP TỰ RÈN LUYỆN**
- **CẬP NHẬT THEO UCP 600 – 2006**

Nhóm biên soạn: ThS. VÕ THỊ TUYẾT ANH
ThS. HOÀNG THỊ MINH NGỌC
ThS. PHAN CHUNG THỦY

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời giới thiệu</i>	3
- <i>Về Tác giả</i>	7
Chương 1 : GIỚI THIỆU VỀ THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI	9
1. Sự ra đời và phát triển của thị trường ngoại hối (The foreign exchange market)	9
2. Đặc điểm	10
3. Các thành phần tham gia giao dịch	11
4. Cấu trúc thị trường	13
5. Vị trí và vai trò của thị trường ngoại hối	14
6. Giới thiệu sơ lược về thị trường ngoại hối Việt Nam	15
6.1. Trung tâm giao dịch ngoại tệ năm 1991	15
6.2. Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng năm 1994	16
6.3. Sự ra đời của giao dịch kỳ hạn và hoán đổi năm 1998	16
6.4. Sự ra đời của giao dịch quyền chọn (options) năm 2002	17
7. Tổ chức và hoạt động của thị trường ngoại hối Việt Nam	17
- Câu hỏi ôn tập	18
Chương 2 : TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	21
1. Tỷ giá hối đoái	21
2. Cơ sở xác định tỷ giá	23
3. Quy ước tên đơn vị tiền tệ	27
4. Các phương pháp yết giá	28
5. Các loại tỷ giá thông dụng	29
6. Phương pháp tính tỷ giá chéo	33
7. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá	35
- Câu hỏi ôn tập	36
- Bài tập thực hành	37

Chương 3 : THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI GIAO NGAY	41
1. Nghiệp vụ hối đoái giao ngay và thị trường hối đoái giao ngay	41
2. Yết giá trên thị trường giao ngay	42
3. Chi phí giao dịch	45
4. Cơ chế giao dịch	46
5. Ví dụ minh họa	46
6. Kinh doanh chênh lệch tỷ giá (Currency arbitrage)	50
7. Sử dụng giao dịch hối đoái giao ngay	51
– Câu hỏi ôn tập	52
– Bài tập thực hành	53
Chương 4 : THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI CÓ KỲ HẠN	61
1. Khái quát về thị trường hối đoái có kỳ hạn	61
2. Loại hợp đồng có kỳ hạn	62
3. Thời hạn của hợp đồng có kỳ hạn	64
4. Yết giá có kỳ hạn	64
5. Cách xác định tỷ giá có kỳ hạn	66
6. Sử dụng hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn	72
7. Thực hành hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn	73
8. Hạn chế của giao dịch hối đoái có kỳ hạn	75
– Câu hỏi ôn tập	76
– Bài tập thực hành	76
Chương 5 : THỊ TRƯỜNG HOÁN ĐỔI TIỀN TỆ	83
1. Khái quát về thị trường hoán đổi (Swaps market)	83
2. Hoán đổi tiền tệ (Currency swaps)	84
3. Sử dụng hoán đổi để hạ thấp chi phí	84
3.1. Tận dụng ưu thế tương đối	84
3.2. Hạ thấp chi phí thông qua phòng ngừa rủi ro	85
3.3. Khai thác sự khác biệt về các quy định và thuế	85
3.4. Phát triển thị trường mới	85
4. Sử dụng hoán đổi tiền tệ như một công cụ ngừa rủi ro	86
5. Hoán đổi tiền tệ ở Việt Nam	87
6. Thực hành giao dịch hoán đổi tiền tệ	87

7. Lợi ích của các bên trong giao dịch hoán đổi tiền tệ	92
8. Những hạn chế của giao dịch hoán đổi tiền tệ	92
– Câu hỏi ôn tập	93
– Bài tập thực hành	94
Chương 6 : THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ GIAO SAU	99
1. Liên hệ giữa hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi với hợp đồng giao sau	99
2. Khái quát về thị trường ngoại tệ giao sau	100
3. So sánh hợp đồng có kỳ hạn và hợp đồng giao sau	101
4. Thành phần tham gia giao dịch	103
5. Quy chế giao dịch	103
6. Đặc điểm của hợp đồng giao sau	104
7. Ví dụ minh họa hợp đồng giao sau	105
8. Sử dụng hợp đồng giao sau vào mục đích đầu cơ	106
9. Khả năng phòng ngừa rủi ro với hợp đồng giao sau	109
10. Khả năng thực hiện hợp giao dịch giao sau ở Việt Nam	111
11. Ưu nhược điểm của hợp đồng giao sau	113
– Câu hỏi ôn tập	114
– Bài tập thực hành	114
Chương 7 : THỊ TRƯỜNG QUYỀN CHỌN NGOẠI HỐI	119
1. Giới thiệu về thị trường quyền chọn (Options)	119
2. Định giá hợp đồng quyền chọn	122
2.1. Tỷ giá thực hiện (Strike or exercise price)	123
2.2. Chênh lệch lãi suất	124
2.3. Thời hạn hợp đồng	124
2.4. Thông số biến động tỷ giá kỳ vọng (Expected volatility)	125
3. Mô hình Black-Scholes	125
4. Hướng dẫn sử dụng mô hình Black-Scholes	127
5. Mối quan hệ giữa quyền chọn mua và quyền chọn bán	129
6. Sử dụng hợp đồng quyền chọn	130
– Câu hỏi ôn tập	141
– Bài tập thực hành	141

Chương 8 : PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ RỦI RO TỶ GIÁ	153
1. Phân tích rủi ro tỷ giá	153
1.1. Rủi ro tỷ giá trong hoạt động đầu tư	154
1.2. Rủi ro tỷ giá trong hoạt động xuất nhập khẩu	155
1.2.1. Rủi ro tỷ giá đối với hợp đồng xuất khẩu	156
1.2.2. Rủi ro tỷ giá đối với hợp đồng nhập khẩu	156
1.3. Rủi ro tỷ giá trong hoạt động tín dụng	157
2. Tác động của rủi ro tỷ giá	158
2.1. Tác động đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	158
2.1.1. Tổn thất giao dịch (Transaction exposure)	159
2.1.2. Tổn thất kinh tế (Economic exposure)	160
2.1.3. Tổn thất chuyển đổi (Translation exposure)	161
3. Tác động đến khả năng chịu đựng tài chính của doanh nghiệp	161
3.1. Tác động bất ổn đến hoạt động doanh nghiệp	161
3.2. Tác động đến sự tự chủ tài chính của doanh nghiệp	162
3.3. Tác động đến giá trị doanh nghiệp	162
4. Phân tích thái độ của doanh nghiệp đối với rủi ro tỷ giá	163
4.1. Xác định thái độ đối với rủi ro	163
4.2. Phân loại thái độ đối với rủi ro	164
4.3. Sự cần thiết phòng ngừa rủi ro tỷ giá	164
5. Các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro tỷ giá	165
5.1. Quyết định có nên phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay không ?	165
5.2. Quyết định giải pháp nào để phòng ngừa rủi ro tỷ giá ?	166
6. Nghiên cứu tình huống LUFTHANSA	166
6.1. Đánh giá các phương án phòng chống rủi ro	167
a) Phương án không phòng chống rủi ro	167
b) Phương án phòng chống rủi ro hoàn toàn bằng hợp đồng Forward	168
c) Phương án phòng chống một phần bằng hợp đồng Forward	168
d) Phương án phòng chống rủi ro bằng Options tiền tệ	168
e) Mua dollar ngay khi ký hợp đồng	169
6.2. Quyết định của Herr Ruhnau	169
6.3. Kết quả thế nào ?	169
- Câu hỏi thảo luận	170

- Câu hỏi ôn tập 171
- Bài tập thực hành 171

Chương 9 : CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ QUẢN LÝ RỦI RO TỶ GIÁ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP 179

1. Các giải pháp phòng ngừa tổn thất giao dịch khoản phải thu ngoại tệ 179
 - 1.1. Mô tả tình huống cụ thể 180
 - 1.2. Nhận dạng rủi ro 180
 - 1.3. Hướng dẫn sử dụng các giải pháp phòng ngừa 181
 - 1.3.1. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng kỳ hạn 181
 - 1.3.2. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng hoán đổi (Swaps) 183
 - 1.3.3. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng giao sau 186
 - 1.3.4. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng quyền chọn 189
 - 1.3.5. Hướng dẫn sử dụng thị trường tiền tệ 192
2. Các giải pháp phòng ngừa tổn thất giao dịch khoản phải trả ngoại tệ 194
 - 2.1. Mô tả tình huống 194
 - 2.2. Nhận dạng rủi ro 195
 - 2.3. Hướng dẫn sử dụng các giải pháp phòng ngừa 196
 - 2.3.1. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng kỳ hạn 196
 - 2.3.2. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng hoán đổi 198
 - 2.3.3. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng giao sau 201
 - 2.3.4. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng quyền chọn 204
 - 2.3.5. Hướng dẫn sử dụng thị trường tiền tệ 207
3. Các giải pháp phòng ngừa tổn thất kinh tế khi tỷ giá biến động 209
 - 3.1. Đặc điểm của tổn thất kinh tế 210
 - 3.2. Hướng dẫn phòng ngừa tổn thất kinh tế nếu nội tệ xuống giá 211
 - 3.2.1. Mô tả tình huống 211
 - 3.2.2. Phân tích sự phát sinh tổn thất kinh tế 211
 - 3.2.3. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng giao sau 212
 - 3.2.4. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng quyền chọn 213
 - 3.3. Hướng dẫn phòng ngừa tổn thất kinh tế nếu nội tệ lên giá 215
 - 3.3.1. Mô tả tình huống 215
 - 3.3.2. Phân tích sự phát sinh tổn thất kinh tế 216

3.3.3. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng giao sau	217
3.3.4. Hướng dẫn sử dụng hợp đồng quyền chọn	218
- Câu hỏi ôn tập	220
- Bài tập thực hành	220
Chương 10 : CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA RỦI RO TỶ GIÁ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	227
1. Phân tích và đo lường rủi ro tỷ giá đối với NHTM	227
2. Quyết định quản lý rủi ro tỷ giá đối với Ngân hàng Thương mại	232
3. Phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với tổn thất ròng giao dịch cùng thời hạn	233
3.1. Quản lý rủi ro tỷ giá khi có trạng thái ngoại tệ dương (Long position)	233
3.2. Đối với trạng thái ngoại tệ âm (Short position)	234
4. Phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với tổn thất ròng giao dịch gộp	236
- Câu hỏi ôn tập	240
- Bài tập thực hành	240
Chương 11 : NHỮNG PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ	247
1. Giới thiệu chung về các loại phương tiện thanh toán quốc tế	247
2. Hối phiếu (Bills of Exchange)	248
2.1. Khái niệm	248
2.2. Đặc tính của hối phiếu	250
2.3. Hình thức của hối phiếu	251
2.4. Nội dung chính của hối phiếu	252
2.5. Phân loại hối phiếu	257
2.5.1. Phân loại căn cứ vào người ký phát hối phiếu	257
2.5.2. Phân loại căn cứ vào thời hạn trả tiền	257
2.5.3. Phân loại căn cứ vào phương thức thanh toán	258
2.5.4. Phân loại căn cứ vào chứng từ kèm theo	258
2.5.5. Phân loại căn cứ vào người thụ hưởng	259
2.6. Tạo lập hối phiếu	260
2.7. Các nghiệp vụ liên quan đến việc lưu thông hối phiếu	264
2.7.1. Chấp nhận hối phiếu (Acceptance)	264
2.7.2. Ký hậu hối phiếu (Endorsement)	265
2.7.3. Bảo lãnh hối phiếu (Guaranty)	266

2.7.4. Từ chối trả tiền và kháng nghị (Protest)	266
2.7.5. Chiết khấu hối phiếu (Discount)	267
3. Lệnh phiếu (Promissory notes)	267
4. Séc (Cheque)	269
4.1. Nội dung của séc	269
4.2. Điều kiện và thời hạn hiệu lực của séc	270
4.3. Phân loại séc	270
5. Thẻ thanh toán (Plastic card)	273
5.1. Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển	273
5.2. Thẻ thanh toán là gì ?	274
5.3. Mô tả kỹ thuật	274
5.4. Các loại thẻ và công dụng của nó	275
5.4.1. Thẻ rút tiền (ATM – Automatic Teller Machine Card)	275
5.4.2. Thẻ thanh toán (Payment card)	275
5.5. Những lợi ích của việc sử dụng thẻ	276
5.5.1. Đối với chủ thẻ	276
5.5.2. Đối với ngân hàng phát hành	276
5.5.3. Đối với cơ sở chấp nhận thẻ	277
5.5.4. Đối với xã hội	277
– Câu hỏi ôn tập	278
– Bài tập thực hành	278
Chương 12 : PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN VÀ NHỜ THU	281
1. Giới thiệu chung về các phương thức thanh toán quốc tế	281
2. Phương thức chuyển tiền (Remittance)	282
3. Phương thức nhờ thu (Collection of payment)	287
3.1. Nhờ thu hối phiếu trơn (Clean collection)	288
3.2. Nhờ thu hối phiếu kèm chứng từ (Documentary collection)	291
3.3. Những điều cần lưu ý khi sử dụng phương thức nhờ thu	294
4. Phương thức ghi sổ (Open account)	296
5. Phương thức giao chứng từ nhận tiền (CAD – COD) (Cash against documents) – (Cash on delivery)	296
5.1. Khái niệm	296
5.2. Quy trình thanh toán	296
– Câu hỏi ôn tập	298

Chương 13 : NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ	299
1. Khái niệm và nội dung phương thức tín dụng chứng từ	299
1.1. Khái niệm	301
1.2. Nội dung phương thức tín dụng chứng từ	303
2. Quy trình thực hiện phương thức thanh toán tín dụng chứng từ	304
2.1. Quy trình mở L/C	305
2.2. Quy trình thanh toán L/C	314
3. Các loại thư tín dụng thương mại	334
3.1. Thư tín dụng có thể hủy ngang (Revocable L/C)	334
3.2. Thư tín dụng không thể hủy ngang (Irrevocable letter of credit)	334
3.3. Thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận (Confirmed irrevocable letter of credit)	335
3.4. Thư tín dụng không thể hủy ngang và không được truy đòi lại tiền (Irrevocable without recourse letter of credit)	336
3.5. Thư tín dụng tuần hoàn (Revolving letter of credit)	336
3.6. Thư tín dụng giáp lưng (Back to back letter of credit)	337
3.7. Thư tín dụng đối ứng (Reciprocal L/C)	337
3.8. Thư tín dụng thanh toán chậm (Deferred payment L/C)	338
3.9. Thư tín dụng với điều khoản đỏ (Red clause L/C)	338
3.10. Thư tín dụng dự phòng (Stand - by L/C)	338
3.11. Thư tín dụng có điều khoản T/TR (Telegraphic Transfer Reimbursement)	339
3.12. L/C có thể chuyển nhượng được (Irrevocable Transferable L/C)	339
- Câu hỏi ôn tập	344

Chương 14 : KIỂM TRA BỘ CHỨNG TỪ TRONG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ	351
1. Kiểm tra nội dung thư tín dụng	351
2. Kiểm tra nội dung bộ chứng từ	352
2.1. Kiểm tra chứng từ tài chính - hối phiếu (Draft/Bill of Exchange)	353
2.1.1. Kiểm tra địa điểm	354
2.1.2. Kiểm tra ngày ký phát Hối phiếu	354
2.1.3. Kiểm tra số tiền ghi trên Hối phiếu	354
2.1.4. Kiểm tra thời hạn thanh toán tiền trên Hối phiếu	355

2.1.5. Kiểm tra số và ngày lập Hóa đơn	355
2.1.6. Kiểm tra tên và địa chỉ của các bên liên quan trên Hối phiếu	355
2.2. Kiểm tra hóa đơn thương mại (Commercial invoice) (Điều 18 UCP 600)	359
2.2.1. Kiểm tra người lập Hóa đơn	359
2.2.2. Kiểm tra tên và địa chỉ của người mua	360
2.2.3. Kiểm tra việc mô tả hàng hóa	360
2.2.4. Kiểm tra đơn giá của hàng hóa có được ghi giống như L/C không ?	361
2.2.5. Kiểm tra số lượng, trọng lượng hàng hóa	361
2.2.6. Kiểm tra đơn giá Ngân hàng cũng nên lưu ý xem điều kiện giao hàng (FOB, CIF, CNF...)	362
2.2.7. Kiểm tra số tiền của Hóa đơn	362
2.2.8. Kiểm tra các dữ kiện khác	363
2.2.9. Kiểm tra các yêu cầu khác của L/C	363
2.3. Kiểm tra chứng từ vận tải	367
2.3.1. Kiểm tra vận đơn đường biển (Marine bill of lading / Ocean bill of lading)	367
2.3.2. Kiểm tra chứng từ vận tải đa phương thức (Multimodal transport document / Combined transport document)	379
2.3.3. Kiểm tra vận đơn theo hợp đồng theo tàu (Chater party bill of lading)	380
2.3.4. Kiểm tra vận đơn hàng không (Air waybill - AWB)	381
2.4. Kiểm tra chứng từ, bảo hiểm	383
2.5. Kiểm tra phiếu đóng gói (Packing List - P/L)	387
2.6. Kiểm tra weight list (Bảng kê chi tiết trọng lượng)	389
2.7. Kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin - C/O)	390
2.8. Kiểm tra giấy chứng nhận kiểm định (Inspection certificate)	392
2.9. Kiểm tra các chứng từ xác minh bản chất hàng hóa	394
2.10. Kiểm tra các chứng từ thanh toán khác	396
- Câu hỏi ôn tập	400

Chương 15 : BỘ CHỨNG TỪ TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ 401

1. Hóa đơn thương mại (Commercial invoice)	401
2. Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing list)	404

3. Bảng kê chi tiết (Specification)	405
4. Giấy chứng nhận xuất xứ (certificate of origin - C/O)	407
5. Hóa đơn lãnh sự (Consular invoice)	410
6. Hóa đơn hải quan (Custom invoice)	410
7. Bảo hiểm đơn (Insurance policy)	410
8. Giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance certificate)	411
9. Giấy chứng nhận số lượng (Certificate of quantity)	412
10. Giấy chứng nhận trọng lượng (Certificate of weight)	413
11. Giấy chứng nhận phẩm chất (Certificate of quality)	414
12. Giấy chứng nhận vệ sinh (Sanitary certificate)	415
13. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary certificate)	415
14. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (Veterinary certificate)	415
15. Tờ khai hải quan	416
16. Vận đơn đường biển (Bill of lading)	417
- Bài tập tự giải	422

PHỤ LỤC :

- Phụ lục 1 : BỘ CHỨNG TỬ MẪU	435
- Phụ lục 2 : QUY TẮC VÀ THỰC HÀNH THỐNG NHẤT VỀ TÍN DỤNG CHỨNG TỬ ICC (Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) ban hành ngày 25/10/2006 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2007) UCP 600 (Bản tiếng Việt)	459
- Phụ lục 3 : UNIFORM CUSTOMS AND PRACTICE FOR DOCUMENTARY CREDITS (ICC Publication No. 600 issued on October 25, 2006 and effective July 1, 2007)	495
- Tài liệu tham khảo	531
- Mục lục	537